TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Thuận

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số 949 /NHPT-TDĐT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v: Cho vay đối với các dự án đầu tư phát triển cao su tại Lào và Campuchia thuộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	*Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2010*

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HÀ NỘI
ĐẾN Số: 78
Ngày: 25.3.2010
Chuyển: TCS (CPN)

Kính gửi: Sở Giao dịch II; các Chi nhánh NHPT: Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đăk Lăk-Đăk Nông, Gia Lai, Quảng Trị.

Triển khai văn bản số 6853/VPCP-KTTH ngày 02/10/2009 của Văn phòng Chính phủ về việc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam được hưởng hỗ trợ từ chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước, Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) hướng dẫn các Sở Giao dịch, Chi nhánh NHPT (sau đây gọi chung là Chi nhánh NHPT) thực hiện cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước đối với các dự án đầu tư phát triển cao su tại Lào và Campuchia thuộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam như sau:

1. Đối tượng vay vốn

Các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam (sau đây gọi tắt là chủ đầu tư) có dự án đầu tư phát triển cao su tại Lào và Campuchia nằm trong danh mục do Tập đoàn đề nghị NHPT cho vay vốn tín dụng đầu tư (TDĐT) để thực hiện dự án.

2. Điều kiện vay vốn

2.1. Đối với chủ đầu tư

- Được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo đúng quy định pháp luật.

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực đầu tư phát triển cây cao su.

- Có khả năng tài chính, bộ máy quản lý đủ năng lực và trình độ chuyên môn để thực hiện đầu tư và quản lý dự án đầu tư ra nước ngoài.

- Mức vốn chủ sở hữu tham gia vào dự án (vốn tự có) tối thiểu bằng 15% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định của dự án.

2.2. Đối với dự án

- Được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp thuận đầu tư theo quy định.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CSVN
ĐẾN Số: 532
Ngày: 29/3/2010
Chuyển: [illegible]
Cao Bản: [illegible]

- Được lập và phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam (về quản lý đầu tư ra nước ngoài) và nước tiếp nhận đầu tư (về quản lý đầu tư trong nước).

- Có hiệu quả về tài chính, có khả năng hoàn trả nợ vay trong thời hạn vay vốn của dự án; được NHPT thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay và quyết định cho vay.

3. Mức vốn cho vay, lãi suất cho vay

3.1. Mức vốn cho vay: tối đa 50% tổng mức đầu tư tài sản cố định của dự án.

Trường hợp chủ đầu tư đã huy động các nguồn vốn khác để thực hiện dự án với mức vốn giải ngân vượt 50% tổng mức đầu tư tài sản cố định của dự án, NHPT chỉ xem xét cho vay không vượt quá số vốn đầu tư tài sản cố định của dự án (không giải ngân hoàn trả vốn tự có).

3.2. Lãi suất cho vay: thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong từng thời kỳ (hiện nay là 9,6%/năm đối với VND; 6% đối với ngoại tệ tự do chuyển đổi).

Lãi suất áp dụng đối với nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

4. Đồng tiền cho vay, nhận nợ và trả nợ

- Đồng tiền cho vay là VND.

- Đồng tiền nhận nợ là VND.

Trường hợp chủ đầu tư gửi ngoại tệ có kỳ hạn tại Chi nhánh NHPT, NHPT sẽ xem xét cho vay bằng ngoại tệ đối với các chi phí thanh toán bằng ngoại tệ và chủ đầu tư có khả năng cân đối ngoại tệ để trả nợ.

- Đồng tiền trả nợ được xác định theo nguyên tắc: cho vay bằng đồng tiền nào thì việc nhận nợ và trả nợ bằng đồng tiền đó. Trường hợp chủ đầu tư có nhu cầu trả nợ bằng đồng tiền khác thì Chi nhánh NHPT báo cáo Tổng Giám đốc NHPT xem xét, quyết định.

5. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn của dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, nhưng không quá 12 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

6. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng để đầu tư vườn cây (gồm các chi phí khai hoang, trồng, chăm sóc cây cao su) và nhà máy chế biến.

7. Hồ sơ đề nghị vay vốn

Hồ sơ đề nghị vay vốn thực hiện theo Danh mục hồ sơ tại Phụ lục đính kèm văn bản này.

8. Trình tự và thủ tục cho vay

8.1. Hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn

Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị vay vốn đến Chi nhánh NHPT nơi có trụ sở của chủ đầu tư. Các Chi nhánh NHPT hướng dẫn chủ đầu tư về thủ tục, hồ sơ vay vốn và tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn theo quy định hiện hành của NHPT.

8.2. Thẩm định hồ sơ

Sau khi nhận đủ hồ sơ đề nghị vay vốn, Chi nhánh NHPT tổ chức thẩm định theo quy định hiện hành của Nhà nước và của NHPT về cho vay vốn TDĐT của Nhà nước, lưu ý các nội dung đặc thù liên quan đến dự án đầu tư ra nước ngoài như sau:

- Dự án được lập và phê duyệt theo đúng quy định pháp luật của Việt Nam (về quản lý đầu tư ra nước ngoài) và nước tiếp nhận đầu tư (về quản lý đầu tư trong nước).

Trường hợp pháp luật của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư không có quy định cụ thể về đơn vị lập và phê duyệt dự án, dự án phải được lập bởi đơn vị có đủ năng lực lập dự án theo quy định về quản lý dự án đầu tư của Việt Nam và được phê duyệt theo đúng quy định về tổ chức, hoạt động của chủ đầu tư.

- Dự án phải đề cập đến các nội dung tương tự như dự án đầu tư tại Việt Nam và phải được thẩm định trên các nội dung này (trừ trường hợp luật pháp của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư có quy định khác); trong đó, với các vấn đề yêu cầu có ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền đối với dự án đầu tư tại Việt Nam *(như: đánh giá tác động của môi trường; thiết kế cơ sở, phương án phòng chống cháy nổ (đối với phần đầu tư nhà máy); thiết kế vườn cây (mật độ trồng, đường lô,..) và phương án phòng chống cháy nổ trong nội dung thuyết minh của dự án (đối với phần đầu tư nông nghiệp),...)* nhưng không quy định đối với dự án đầu tư ra nước ngoài, chủ đầu tư phải tổ chức thẩm định và phê duyệt phù hợp với quy định về tổ chức, hoạt động của chủ đầu tư và quy định pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư.

- Phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay của dự án phải được xem xét trên các khía cạnh sau:

+ Tính khả thi của việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và chuyển vốn từ nước tiếp nhận đầu tư về Việt Nam để trả nợ theo quy định pháp luật của Việt Nam và nước tiếp nhận đầu tư.

+ Nguồn vốn trả nợ được lập phù hợp với phương án quản lý và phân chia lợi nhuận, các nguồn vốn khác (khấu hao,..) tại doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư.

9. Bảo đảm tiền vay

- Chủ đầu tư sử dụng tài sản hợp pháp khác ngoài tài sản hình thành từ vốn vay của chủ đầu tư hoặc tài sản của người thứ ba để bảo đảm tiền vay với giá trị tối thiểu bằng 15% số vốn vay; đồng thời Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam có văn bản bảo lãnh vay vốn (theo mẫu đính kèm), có nghĩa vụ trả nợ thay đối với chủ đầu tư và có văn bản cam kết chỉ đạo, giám sát chủ đầu tư thực hiện đầu tư dự án theo đúng quy định, có hiệu quả, trả nợ vay NHPT đầy đủ, đúng hạn.

- Trường hợp quyền sử dụng đất dự án thuộc sở hữu của doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư thì quyền sử dụng đất đó phải được sử dụng làm tài sản bảo đảm tiền vay tại NHPT.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý, báo cáo đầy đủ cho NHPT quá trình thực hiện đầu tư và khai thác dự án cũng như mọi sự biến động, thay đổi liên quan đến dự án; trường hợp tài sản hình thành từ vốn vay của dự án được bán, chuyển nhượng thì nguồn thu phải sử dụng để trả nợ vay vốn TDĐT cho NHPT. Đối với tài sản thế chấp khác ngoài tài sản hình thành từ vốn vay, Chi nhánh phối hợp Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định hiện hành.

10. Giải ngân vốn vay

10.1. Đối với các chi phí phát sinh tại Việt Nam

Chi nhánh NHPT thực hiện giải ngân cho dự án theo quy định hiện hành của NHPT.

10.2. Đối với các chi phí thanh toán tại nước tiếp nhận đầu tư

- Chi nhánh NHPT giải ngân theo tiến độ thanh toán quy định tại Hợp đồng ký giữa chủ đầu tư/ doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư và tổ chức/ cá nhân cung cấp hàng hoá, dịch vụ (bao gồm cả tiền lương của người lao động làm việc cho chủ đầu tư/ doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư) và trong phạm vi dự toán được duyệt trên cơ sở các tài liệu sau:

+ Giấy đề nghị rút vốn của chủ đầu tư.

+ Chứng từ rút vốn.

+ Hợp đồng ký giữa chủ đầu tư/ doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư và tổ chức/ cá nhân cung cấp hàng hoá, dịch vụ; các Phụ lục bổ sung Hợp đồng (nếu có) hoặc bảng lương do chủ đầu tư/ doanh nghiệp quản lý dự án

tại nước tiếp nhận đầu tư lập và có ký nhận của người lao động (đối với chi phí nhân công) và các tài liệu kèm theo gồm:

* Dự toán công trình, hạng mục công trình, công việc đã được phê duyệt.

* Bảo đảm thực hiện Hợp đồng và các khoản bảo lãnh khác (nếu có).

* Các tài liệu khác có liên quan.

+ Biên bản xác nhận khối lượng đã hoàn thành được nghiệm thu, đề nghị thanh toán (của doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư, có xác nhận của chủ đầu tư).

+ Bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán (của doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư, có xác nhận của chủ đầu tư).

- Các tài liệu trong hồ sơ giải ngân phải là bản chính hoặc bản dịch công chứng (đối với các tài liệu bằng tiếng nước ngoài).

- Trên cơ sở hồ sơ giải ngân đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, Chi nhánh NHPT thực hiện giải ngân vào tài khoản thực hiện dự án đầu tư của chủ đầu tư mở tại tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Chủ đầu tư có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cung cấp cho NHPT chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày NHPT giải ngân cho chủ đầu tư.

11. Trả nợ vay

11.1. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả nợ cho NHPT theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký bằng khấu hao và lợi nhuận từ dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác.

11.2. Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn trả nợ, chủ đầu tư không trả hoặc trả không đủ số nợ vay (gốc và lãi) của kỳ hạn đó thì số nợ gốc và lãi chậm trả phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định.

11.3. Trường hợp chủ đầu tư không có khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho NHPT, Chi nhánh NHPT có văn bản đề nghị Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam có trách nhiệm trả nợ thay cho chủ đầu tư theo Hợp đồng tín dụng và văn bản bảo lãnh vay vốn đã ký.

12. Theo dõi tình hình tài chính, hoạt động của chủ đầu tư và dự án

- Trong quá trình cho vay và trả nợ, mọi giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài và chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam liên quan đến dự án đầu tư ra nước ngoài, chủ đầu tư thực hiện đúng theo quy định của Pháp lệnh ngoại hối, Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngoại hối và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Chi nhánh NHPT tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), tình hình tài chính của chủ đầu tư và doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý vốn TDĐT.

- Đối với dự án đầu tư: chủ đầu tư có trách nhiệm gửi NHPT báo cáo tình hình thực hiện đầu tư dự án (khối lượng hoàn thành; số vốn đã giải ngân; cơ cấu các nguồn vốn đã huy động, đã sử dụng; các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư;...); tình hình tài chính, SXKD của dự án và doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư định kỳ hàng quý chậm nhất vào ngày 15, tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

- Chi nhánh NHPT chủ động phối hợp với chủ đầu tư tổ chức kiểm tra hiện trường đầu tư dự án (việc tổ chức kiểm tra phải báo cáo Tổng Giám đốc NHPT). Sau đợt kiểm tra, Chi nhánh NHPT gửi văn bản báo cáo NHPT về kết quả kiểm tra. Chi nhánh NHPT và chủ đầu tư phải có thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng về biện pháp kiểm tra, giám sát vốn vay phù hợp điều kiện thực tế, đặc điểm và tính chất khoản vay để đảm bảo tính an toàn hiệu quả của vốn vay.

13. Các nội dung khác và chế độ báo cáo thống kê: Thực hiện theo quy định hiện hành của NHPT về việc quản lý cho vay vốn TDĐT của Nhà nước.

14. Tổ chức thực hiện

Để đảm bảo nguồn vốn cho vay đối với các dự án đầu tư phát triển cao su tại Lào, Campuchia, NHPT đề nghị Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam chỉ đạo các đơn vị thành viên gửi vốn có kỳ hạn tại NHPT; tiền gửi của các đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam được NHPT trả lãi huy động theo mức lãi suất thị trường.

Giám đốc các Chi nhánh NHPT chịu trách nhiệm tổ chức quản lý cho vay, thu hồi nợ vay chặt chẽ theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Chi nhánh NHPT báo cáo NHPT để xem xét, giải quyết./.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lại Văn Đạo

Nơi nhận:
- Như trên;
- Tập đoàn CN cao su VN (để phối hợp thực hiện);
- TGĐ, các PTGĐ;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Lưu: VP; CĐKH; TĐ; CSPT; PC; TCKT; KTNB; TTKH; TDĐT (03).

Hồ sơ đề nghị vay vốn tín dụng đầu tư

Phụ lục ban hành kèm theo văn bản số 769/NHPT-TDĐT ngày 22/3/2010 của NHPT

1. Văn bản đề nghị vay vốn của chủ đầu tư và văn bản của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam đề nghị NHPT cho vay đối với dự án.

2. Hồ sơ chủ đầu tư:

- Quyết định thành lập công ty (chủ đầu tư) và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao chứng thực).

- Điều lệ hoạt động của công ty (bản sao y của chủ đầu tư).

- Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định bổ nhiệm Giám đốc, Kế toán trưởng công ty (bản sao chứng thực).

- Báo cáo tài chính (BCTC) theo quy định của pháp luật trong 02 năm gần nhất (bản sao y của chủ đầu tư) kèm theo kết luận của đơn vị kiểm toán (trường hợp BCTC đã được kiểm toán) (bản sao chứng thực).

+ Trường hợp chủ đầu tư là công ty mẹ, BCTC bao gồm BCTC của công ty mẹ và BCTC hợp nhất của nhóm công ty.

+ Trường hợp chủ đầu tư là công ty con hạch toán độc lập, BCTC bao gồm BCTC của công ty con, BCTC của công ty mẹ và BCTC hợp nhất của nhóm công ty.

- Báo cáo về quan hệ tín dụng của chủ đầu tư với các tổ chức cho vay khác.

- Giấy đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương; các tài liệu khác liên quan đến tư cách pháp nhân và người đại diện doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư (bản dịch công chứng).

- Tài liệu về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quản lý dự án tại nước tiếp nhận đầu tư (bản dịch có xác nhận của chủ đầu tư).

3. Hồ sơ dự án

- Dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi).

- Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài (bản sao y của chủ đầu tư).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền tại nước tiếp nhận đầu tư về việc chấp thuận dự án đầu tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; các tài liệu khác liên quan đến dự án

đầu tư do cơ quan có thẩm quyền tại nước tiếp nhận đầu tư ban hành (bản dịch công chứng).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến dự án:

+ Kết quả thẩm định dự án (nếu có).

+ Quyết định phê duyệt dự án.

+ Thoả thuận của cơ quan có thẩm quyền tại nước tiếp nhận đầu tư về địa điểm thực hiện dự án; Hợp đồng thuê đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản dịch có xác nhận của chủ đầu tư).

+ Các văn bản về các nội dung khác liên quan đến dự án.

- Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư dự án đến thời điểm gửi hồ sơ.

4. Hồ sơ bảo đảm tiền vay

Hồ sơ bảo đảm tiền vay bao gồm bản chính hoặc bản sao có chứng thực của các giấy tờ liên quan đến bên bảo đảm và tài sản bảo đảm, bao gồm:

- Các giấy tờ pháp lý của bên bảo đảm.

- Các giấy tờ pháp lý của tài sản bảo đảm.

- Văn bản của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam bảo lãnh vay vốn đối với chủ đầu tư và cam kết chỉ đạo, giám sát chủ đầu tư thực hiện đầu tư dự án theo đúng quy định, có hiệu quả, trả nợ vay NHPT đầy đủ, đúng hạn

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số:	*Hà Nội, ngày tháng năm*

Mẫu

Kính gửi: Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển.....

Theo đề nghị của (tên đơn vị được bảo lãnh)....., căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số.....ngày.....đã ký giữa (tên đơn vị được bảo lãnh).....và (tên Chi nhánh Ngân hàng Phát triển).....

Bằng văn bản này, Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam

- Địa chỉ:.....

- Quyết định thành lập:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

bảo lãnh cho (tên đơn vị được bảo lãnh) .....

- Địa chỉ:.....

- Quyết định thành lập:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

vay vốn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Phát triển.....(dưới đây viết tắt là NHPT) theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày....., cụ thể như sau:

1. Số tiền được bảo lãnh vay (nợ gốc) tối đa là:.....với lãi suất .....

Thời hạn vay:.....

2. Thời hạn bảo lãnh: kể từ ngày ..... đến ngày Hợp đồng tín dụng số.....ngày.....ký giữa .....chấm dứt.

3. Ngay khi nhận được thông báo của NHPT về việc (tên đơn vị được bảo lãnh).....không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam sẽ trả thay cho (tên đơn vị được bảo lãnh).....toàn bộ số tiền (tên đơn vị được bảo lãnh).....phải trả NHPT nhưng chưa trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

4. Bảo lãnh của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam theo văn bản này không được huỷ ngang và được thực hiện theo quy định của Luật pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Văn bản bảo lãnh được lập thành .....bản có giá trị pháp lý ngang nhau, 02 bản lưu tại NHPT,..... *(các Bản còn lại lưu tại ..... tuỳ thuộc vào ý kiến của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam và đơn vị vay vốn)./.*

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký và đóng dấu)

Nơi nhận